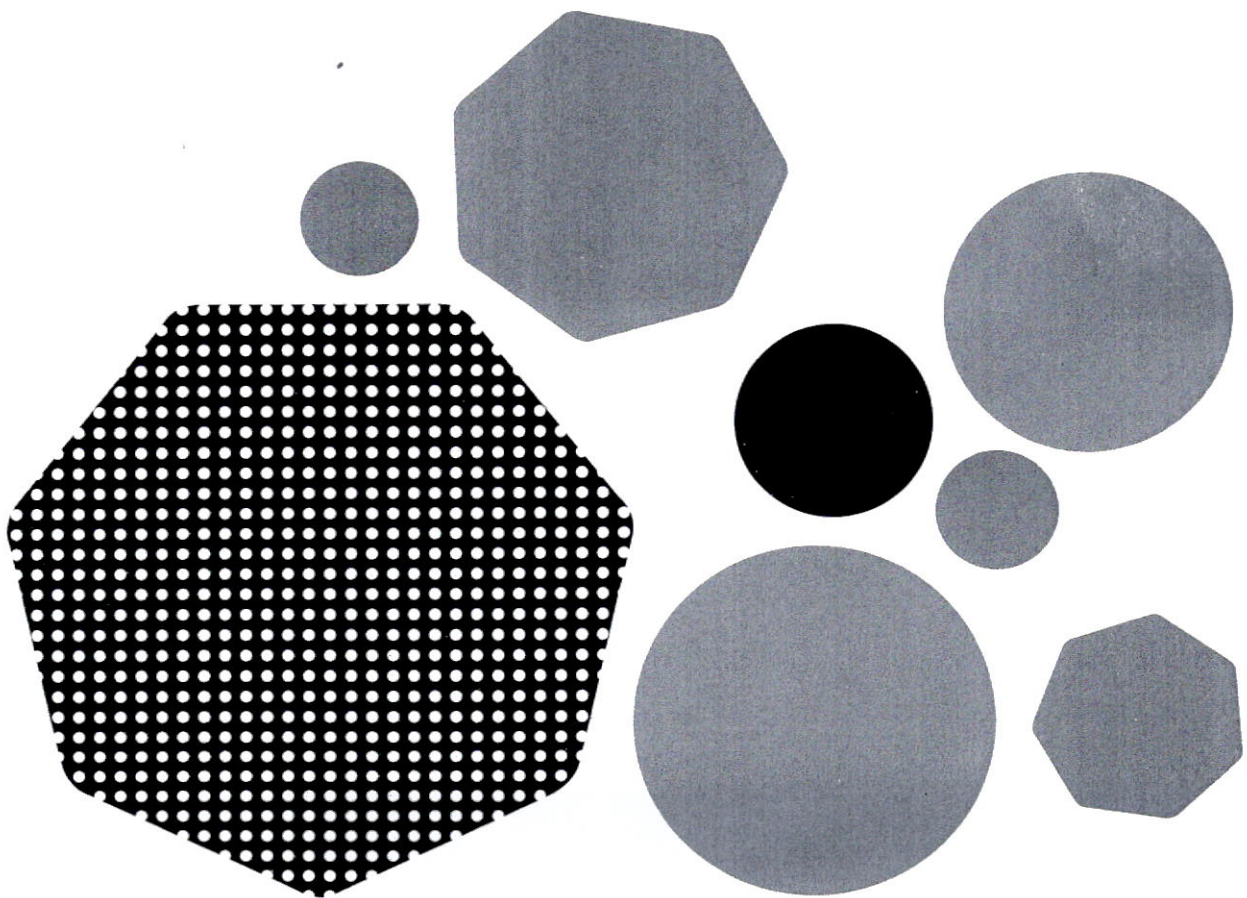


CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2023 ĐẾN 30/06/2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23/06/2023
Ông Trần Văn Nghi	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23/06/2023
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	
Ông Dương Ngọc Tú	Ủy viên	
Ông Phạm Tuấn Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2023
Ông Phạm Bá Chính	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2023
Ông Trần Dũng Chiến	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/06/2023
Ông Đào Trọng Sử	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/06/2023

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Ngọc Tú	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Liên Hương	Trưởng ban	
Ông Phan Văn Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2023
Bà Nguyễn Hà Thanh	Thành viên	
Bà Phan Thị Nha Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/06/2023

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Trần Thị Thanh Hương

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.


Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Dương Ngọc Tú
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Số: 820 /2023/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 14 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 40 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 280223.010/BCTC.KT2 ngày 28/02/2023.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 150822.020/BCTC.KT2 ngày 15/08/2022.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2023



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2023

Mẫu số B01 – HN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		417.554.709.901	464.283.012.220
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	202.494.620.953	241.232.955.468
Tiền	111		202.494.620.953	240.682.955.468
Các khoản tương đương tiền	112		-	550.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.1	111.700.000.000	122.554.520.548
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		111.700.000.000	122.554.520.548
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.732.608.245	20.597.262.396
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	18.484.328.325	16.159.204.878
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	11.546.456.161	2.093.597.714
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.853.804.685	15.805.854.008
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(13.151.980.926)	(13.461.394.204)
Hàng tồn kho	140	9	39.519.344.901	58.249.942.435
Hàng tồn kho	141		39.519.344.901	58.249.942.435
Tài sản ngắn hạn khác	150		31.108.135.802	21.648.331.373
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.710.768.007	2.578.321.423
Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.222.755.595	16.101.920.322
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	2.174.612.200	2.968.089.628
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		230.932.511.763	270.704.385.207
Tài sản cố định	220		182.465.237.726	224.178.916.568
Tài sản cố định hữu hình	221	13	182.349.148.820	223.971.827.666
- Nguyên giá	222		1.325.409.216.543	1.323.218.179.148
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.143.060.067.723)	(1.099.246.351.482)
Tài sản cố định vô hình	227	14	116.088.906	207.088.902
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(548.565.594)	(457.565.598)
Bất động sản đầu tư	230	15	3.828.605.245	4.239.128.721
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.871.399.406)	(19.460.875.930)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	5.224.629.809	3.439.374.004
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.224.629.809	3.439.374.004
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	141.890.805	94.730.405
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		537.428.525	537.428.525
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(395.537.720)	(442.698.120)
Tài sản dài hạn khác	260		39.272.148.178	38.752.235.509
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	38.381.855.780	37.861.943.111
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		890.292.398	890.292.398
TỔNG TÀI SẢN	270		648.487.221.664	734.987.397.427

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2023

Mẫu số B01 – HN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		166.501.014.846	241.076.721.288
Nợ ngắn hạn	310		160.875.564.846	228.755.271.288
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	19.524.315.947	36.959.537.410
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		604.465.000	604.465.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.464.256.247	9.030.964.942
Phải trả người lao động	314		24.946.073.274	54.936.269.184
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	81.160.316	179.499.010
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	1.982.839.200	13.199.889.446
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	87.561.356.652	89.580.378.976
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	11.624.000.000	23.697.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.087.098.210	567.267.320
Nợ dài hạn	330		5.625.450.000	12.321.450.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	5.625.450.000	12.321.450.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		481.986.206.818	493.910.676.139
Vốn chủ sở hữu	410	22	481.986.206.818	493.910.676.139
Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		146.220.778.825	83.086.506.355
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		135.765.427.993	210.824.169.784
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		134.409.929.924	(40.744.427.908)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.355.498.069	251.568.597.692
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		648.487.221.664	734.987.397.427

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Dương Ngọc Tú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mẫu số B02 – HN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	316.785.062.797	555.542.974.788
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		316.785.062.797	555.542.974.788
Giá vốn hàng bán	11	25	301.432.343.527	388.428.378.515
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.352.719.270	167.114.596.273
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	10.322.290.749	2.868.813.239
Chi phí tài chính	22	27	5.901.450.970	6.926.847.109
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.678.892.562	6.343.968.389
Chi phí bán hàng	25	28	5.877.404.020	11.618.900.320
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	11.719.484.578	19.398.891.609
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.176.670.451	132.038.770.474
Thu nhập khác	31		26.204.531	61.454.229.853
Chi phí khác	32		442.136.868	1.735.215
Lợi nhuận khác	40		(415.932.337)	61.452.494.638
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.760.738.114	193.491.265.112
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	405.240.045	37.894.622.192
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mẫu số B02 – HN

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
		VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.355.498.069	155.596.642.920
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	1.355.498.069	155.596.642.920
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 30	68	7.780
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	68	7.780

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương



Tổng Giám đốc

Dương Ngọc Tú

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mẫu số B03 – HN

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/06/2023 VND	đến 30/06/2022 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	1.760.738.114	193.491.265.112
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	44.383.367.762	44.099.886.817
Các khoản dự phòng	03	(356.573.678)	(20.211.600)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	80.440.457	161.338.242
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(5.699.008.670)	(616.703.513)
Chi phí lãi vay	06	1.678.892.562	6.343.968.389
Các điều chỉnh khác	07	-	(61.350.008.110)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	41.847.856.547	182.109.535.337
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(11.797.674.492)	9.251.573.594
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	18.730.597.534	(10.219.035.508)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(61.193.444.981)	36.492.330.801
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(652.359.253)	13.054.124.978
Tiền lãi vay đã trả	14	(497.041.096)	(726.696.636)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.365.405.005)	(4.556.453.482)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.980.000	479.607.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(763.116.500)	(555.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(22.687.607.246)	225.329.586.084
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.038.803.352)	(3.526.026.694)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(111.700.000.000)	(70.252.904.110)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	122.554.520.548	30.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.002.726.599	1.210.785.706
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.818.443.795	(42.568.145.098)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mẫu số B03 – HN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(18.769.000.000)	(114.591.030.420)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.769.000.000)	(114.594.930.420)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(38.638.163.451)	68.166.510.566
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	241.232.955.468	178.500.086.206
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(100.171.064)	4.087.509.651
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	202.494.620.953	250.754.106.423

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương



Dương Ngọc Tú

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B09-DN**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (“Công ty”) trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 02 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 504 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 529 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động hàng không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty trong vòng 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cho thuê văn phòng
Chi nhánh tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2023 bao gồm:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và logistics

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất (Thông tư 202) cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các Công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các Công ty con sẽ được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.3 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.5 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ, tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
- Phần mềm quản lý	03

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

3.10 THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.12 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.13 VAY**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

3.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

3.16 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và hoạt động vận tải biển.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

3.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

3.18 DOANH THU

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm hoạt động cho thuê tàu biển, văn phòng và kho bãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

3.19 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,.... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.21 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- b) Thuế suất thuế TNDN kỳ kế toán hiện hành

Trong kỳ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

3.22 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.23 THÔNG TIN BỘ PHẬN

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là lĩnh vực vận tải biển quốc tế nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	1.011.491.000	648.240.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	201.483.129.953	240.034.715.468
- Các khoản tương đương tiền	-	550.000.000
Cộng	202.494.620.953	241.232.955.468

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	111.700.000.000	122.554.520.548
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	111.700.000.000	122.554.520.548
Dài hạn	-	-
Cộng	111.700.000.000	122.554.520.548

(*) Tại ngày 30/06/2023, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có giá trị đồng được gửi lại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 8,85%/năm đến 10,7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30/06/2023				01/01/2023			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND	%
- Đầu tư vào đơn vị khác (**)	537.428.525	(395.537.720)	142.581.200	0%	537.428.525	(442.698.120)	95.200.800	0%
- CTCP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam - VST	537.018.920	(395.537.720)	141.481.200	0%	537.018.920	(442.698.120)	94.320.800	0%
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VCB	409.605	-	1.100.000	0%	409.605	-	880.000	0%
Cộng	537.428.525	(395.537.720)	142.581.200	0%	537.428.525	(442.698.120)	95.200.800	0%

(**) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán UpCOM và HOSE tại ngày 31/12/2022 và 30/06/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	18.484.328.325	(5.809.493.352)	16.159.204.878	(6.118.906.630)
- COHACO Merchandising & Development Corporation	4.096.919.413	-	-	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Hoàn Sơn	3.635.289.073	(3.635.289.073)	5.635.289.073	(3.944.702.351)
- Phải thu khách hàng khác	10.752.119.839	(2.174.204.279)	10.523.915.805	(2.174.204.279)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	18.484.328.325	(5.809.493.352)	16.159.204.878	(6.118.906.630)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	11.546.456.161	-	2.093.597.714	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng GM	9.374.773.359	-	-	-
- CTCP Tư vấn thiết kế đầu tư miền Duyên Hải	1.110.447.797	-	416.417.923	-
- CTCP Tư vấn đầu tư và Xây dựng Bắc Sông Cấm	387.000.000	-	387.000.000	-
- CTCP Thương mại Shiptech	-	-	975.645.000	-
- Trả trước cho người bán khác	674.235.005	-	314.534.791	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	11.546.456.161	-	2.093.597.714	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	15.853.804.685	(7.342.487.574)	15.805.854.008	(7.342.487.574)
- Phải thu về lãi tiền gửi	2.376.753.426	-	1.680.471.355	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	143.935.032	-	163.492.437	-
- Bảo hiểm y tế	13.116.711	-	13.319.045	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	8.432.788	-	32.931.859	-
- Tạm ứng	3.751.979.608	-	3.377.141.156	-
- Ký quỹ, ký cược	694.000.000	-	1.369.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin	7.342.487.574	(7.342.487.574)	7.342.487.574	(7.342.487.574)
- Phải thu tiền bảo hiểm tàu	1.329.671.371	-	1.743.405.671	-
- Phải thu khác	193.428.175	-	83.604.911	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	15.853.804.685	(7.342.487.574)	15.805.854.008	(7.342.487.574)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	36.854.950.842	-	47.906.983.565	-
- Công cụ, dụng cụ	21.947.000	-	24.502.000	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.642.447.059	-	10.271.117.280	-
- Hàng hóa	-	-	47.339.590	-
Cộng	39.519.344.901	-	58.249.942.435	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***10. NỢ XẤU**

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (Vinashinlines)	7.342.487.574	-	(7.342.487.574)	7.342.487.574	-	(7.342.487.574)
- CTCP Vận tải biển Hoàng Sơn	3.635.289.073	-	(3.635.289.073)	5.635.289.073	1.690.586.722	(3.944.702.351)
- Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	-	(1.104.934.000)	1.104.934.000	-	(1.104.934.000)
- Các đối tượng khác	1.069.270.279	-	(1.069.270.279)	1.069.270.279	-	(1.069.270.279)
Cộng	13.151.980.926	-	(13.151.980.926)	15.151.980.926	1.690.586.722	(13.461.394.204)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.710.768.007	2.578.321.423
- Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	2.710.768.007	2.576.353.897
- Các khoản khác	-	1.967.526
b) Dài hạn	38.381.855.780	37.861.943.111
- Chi phí sửa chữa lớn đội tàu biển chờ phân bổ	38.381.855.780	37.861.943.111
Cộng	41.092.623.787	40.440.264.534

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Dự án xây bãi Container hậu phương tại Đình Vũ - Hải Phòng	-	91.957.200
- Dự án xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới tại lô đất TM8 đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 (*)	5.224.629.809	3.347.416.804
Cộng	5.224.629.809	3.439.374.004

(*) Thông tin về dự án

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới và cho thuê văn phòng làm việc;
- Địa điểm xây dựng: Lô đất TM8, khu đô thị Hồ Sen – Cầu Rào 2, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 96 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Dự án được triển khai từ năm 2019 và dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2024;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2023: Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Hải Phòng và đã thực hiện khởi công xây dựng từ ngày 21/03/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	7.505.449.306	130.752.694	1.315.264.586.535	317.390.613	1.323.218.179.148
- Mua trong kỳ	148.000.000	-	2.255.265.940	63.545.455	2.466.811.395
- Giảm khác	(275.774.000)	-	-	-	(275.774.000)
30/06/2023	7.377.675.306	130.752.694	1.317.519.852.475	380.936.068	1.325.409.216.543
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	(5.806.296.756)	(128.471.599)	(1.093.008.279.779)	(303.303.348)	(1.099.246.351.482)
- Khấu hao trong kỳ	(114.270.876)	(2.142.858)	(43.760.602.019)	(4.828.537)	(43.881.844.290)
- Giảm khác	68.128.049	-	-	-	68.128.049
30/06/2023	(5.852.439.583)	(130.614.457)	(1.136.768.881.798)	(308.131.885)	(1.143.060.067.723)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	1.699.152.550	2.281.095	222.256.306.756	14.087.265	223.971.827.666
30/06/2023	1.525.235.723	138.237	180.750.970.677	72.804.183	182.349.148.820

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 169.167.916.014 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 210.860.503.938 đồng)
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 13.361.602.977 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 11.966.502.977 đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai,
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2023	664.654.500	664.654.500
30/06/2023	<u>664.654.500</u>	<u>664.654.500</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2023	(457.565.598)	(457.565.598)
- Khấu hao trong kỳ	(90.999.996)	(90.999.996)
30/06/2023	<u>(548.565.594)</u>	<u>(548.565.594)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2023	<u>207.088.902</u>	<u>207.088.902</u>
30/06/2023	<u>116.088.906</u>	<u>116.088.906</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	01/01/2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ				
- Nhà	2.627.505.019	-	-	2.627.505.019
- Cơ sở hạ tầng	21.072.499.632	-	-	21.072.499.632
CỘNG	23.700.004.651	-	-	23.700.004.651
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
- Nhà	(2.613.044.159)	(14.460.860)	-	(2.627.505.019)
- Cơ sở hạ tầng	(16.847.831.771)	(396.062.616)	-	(17.243.894.387)
CỘNG	(19.460.875.930)	(410.523.476)	-	(19.871.399.406)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
- Nhà	14.460.860	(14.460.860)	-	-
- Cơ sở hạ tầng	4.224.667.861	(396.062.616)	-	3.828.605.245
CỘNG	4.239.128.721	(410.523.476)	-	3.828.605.245

- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã hết khấu hao nhưng vẫn đang cho thuê tại ngày 30 tháng 06 năm 2023: 6.546.020.001 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6.259.455.501 đồng);
- Trong kỳ doanh thu phát sinh từ bất động sản là: 1.643.470.937 đồng;
- Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 23.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá trị thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a) Ngắn hạn	19.524.315.947	19.524.315.947	36.959.537.410	36.959.537.410
- CTCP Xuất nhập khẩu Kim Việt	5.294.500.000	5.294.500.000	10.850.360.000	10.850.360.000
- MONJASA	2.909.295.725	2.909.295.725	9.012.333.078	9.012.333.078
- Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Thành Long	2.031.168.000	2.031.168.000	2.739.361.500	2.739.361.500
- Các đối tượng khác	9.289.352.222	9.289.352.222	14.357.482.832	14.357.482.832
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	19.524.315.947	19.524.315.947	36.959.537.410	36.959.537.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	684.399.554	1.310.769.445	684.399.554	1.310.769.445
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.097.011.351	405.240.045	8.365.405.005	136.846.391
- Thuế thu nhập cá nhân	249.554.037	671.537.139	904.450.765	16.640.411
Cộng	9.030.964.942	2.387.546.629	9.954.255.324	1.464.256.247

	01/01/2023	Số phải thu/thực nộp trong kỳ	Số đã thực thu /khấu trừ trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế thu nhập cá nhân	38.018.047	124.639.019	38.018.047	124.639.019
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.930.071.581	88.588.487	968.686.887	2.049.973.181
Cộng	2.968.089.628	213.227.506	1.006.704.934	2.174.612.200

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai,
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	81.160.316	179.499.010
- Trích trước chi phí hoạt động của các tàu	-	179.499.010
- Trích trước chi phí lãi vay	81.160.316	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	81.160.316	179.499.010

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.982.839.200	13.199.889.446
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	1.982.839.200	13.176.361.200
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, địa điểm, bãi xe	-	23.528.246
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.982.839.200	13.199.889.446

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	87.561.356.652	89.580.378.976
- Kinh phí công đoàn	6.686.080	49.188.670
- Bảo hiểm y tế	106.549.382	53.327.330
- Bảo hiểm thất nghiệp	14.734.973	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	32.000.000	32.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.107.375.000	7.107.375.000
- Phải trả lãi vay (*)	18.926.389.208	17.825.698.058
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	1.716.471.786	1.733.443.574
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý (**)	58.628.174.289	58.628.174.289
- Phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) phí quản lý mua nợ	-	3.042.477.443
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.022.975.934	1.108.694.612
b) Dài hạn	-	-
Cộng	87.561.356.652	89.580.378.976

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***20. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP)**

(*) Số dư tại 30/06/2023, là lãi vay phải trả theo các hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.

(**) Số dư tại 30/06/2023, bao gồm khoản nợ gốc và lãi vay đối với Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Hải Phòng (BVB Hải Phòng) đang chờ xử lý. Ngày 30/06/2022, BVB Hải Phòng đã thông báo cho Công ty về việc thực hiện chuyển giao toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của BVB Hải Phòng được quy định tại các Hợp đồng tài trợ, Hợp đồng cho vay hợp vốn, Hợp đồng thế chấp và các phụ lục đính kèm sang Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC). Kể từ ngày 30/06/2022, DATC sẽ kế thừa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của chủ nợ mới được chuyển giao từ BVB Hải Phòng đối với Công ty.

21. VAY

Nội dung	30/06/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	11.624.000.000	11.624.000.000	6.696.000.000	18.769.000.000	23.697.000.000	23.697.000.000
<i>Vay ngắn hạn</i>	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)</i>	11.624.000.000	11.624.000.000	6.696.000.000	13.769.000.000	18.697.000.000	18.697.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	11.624.000.000	11.624.000.000	6.696.000.000	13.769.000.000	18.697.000.000	18.697.000.000
b) Vay dài hạn	5.625.450.000	5.625.450.000	6.696.000.000	6.696.000.000	12.321.450.000	12.321.450.000
<i>Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)</i>	5.625.450.000	5.625.450.000	-	6.696.000.000	12.321.450.000	12.321.450.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	5.625.450.000	5.625.450.000	-	6.696.000.000	12.321.450.000	12.321.450.000
Cộng	17.249.450.000	17.249.450.000	6.696.000.000	25.465.000.000	36.018.450.000	36.018.450.000

(*) Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2021/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007). Khoản nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01B/2017/HĐTĐSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017. Lãi vay của hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất cố định 7,8%/năm. Thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2006). Mục đích vay là đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng bách hóa 12.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước. Tài sản đảm bảo là tàu Vinaship Gold.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	200.000.000.000	82.932.721.854	(40.518.877.307)	242.413.844.547
- Lãi trong năm trước	-	-	251.568.597.692	251.568.597.692
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	153.784.501	(153.784.501)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(71.766.100)	(71.766.100)
31/12/2022	200.000.000.000	83.086.506.355	210.824.169.784	493.910.676.139
01/01/2023	200.000.000.000	83.086.506.355	210.824.169.784	493.910.676.139
- Lãi trong kỳ này	-	-	1.355.498.069	1.355.498.069
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	63.134.272.470	(76.414.239.860)	(13.279.967.390)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	63.134.272.470	(63.134.272.470)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(13.279.967.390)	(13.279.967.390)
30/06/2023	200.000.000.000	146.220.778.825	135.765.427.993	481.986.206.818

(*) Theo Nghị quyết Đại hội thường niên năm 2023 số 04/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2023, trong đó thông qua phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty mẹ cho quỹ khen thưởng phúc lợi là 12.593.535.482 đồng, quỹ đầu tư phát triển là 62.967.677.412 đồng và trích quỹ thưởng người quản lý 608.687.548 đồng. Đồng thời, Công ty TNHH dịch vụ hàng hải Vinaship (Công ty con) thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 cho quỹ khen thưởng phúc lợi là 77.744.360 đồng và quỹ đầu tư phát triển là 166.595.058 đồng theo Quyết định số 58/2023/VNS-KTT ngày 07/03/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai,
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****22.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	góp vốn %	VND	góp vốn %
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	102.000.000.000	51%	102.000.000.000	51%
- Các cổ đông khác	98.000.000.000	49%	98.000.000.000	49%
Cộng	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	76.169.900.442	-

22.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2023 CP	01/01/2023 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

22.5 CÁC QUỸ

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	146.220.778.825	83.086.506.355
Cộng	146.220.778.825	83.086.506.355

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

23.1 TÀI SẢN CHO THUÊ NGOÀI

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản cho thuê ngoài		
- Từ 1 năm trở xuống	3.060.016.390	3.670.396.420
- Từ 1 đến 5 năm	2.340.000.000	3.519.272.726
Cộng	5.400.016.390	7.189.669.146

23.2 TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

Công ty thuê tài sản máy móc, thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30/06/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản thuê ngoài		
- Từ 1 năm trở xuống	552.000.000	1.026.000.000
	552.000.000	1.026.000.000

Công ty đang quản lý và sử dụng các khu đất thuê tại khu Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu đất tại đường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; khu đất tại phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để sử dụng với mục đích cho thuê lại và dùng làm trụ sở văn phòng làm việc. Tổng diện tích các khu đất thuê là 19.934,4 m². Theo đó, Công ty phải trả tiền thuê đất theo thông báo tiền thuê đất hàng năm.

23.3 NGOẠI TỆ CÁC LOẠI

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ như sau:

	30/06/2023	01/01/2023
- Dollar Mỹ (USD)	8.368.045,00	9.109.719,85

23.4 NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- LIANA CARRIER LTD	59.231.742	59.231.742
- Sky Ocean Shipping Ltd	484.952.633	484.952.633
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000
Cộng	1.180.624.375	1.180.624.375

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai,
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
a) Doanh thu	316.785.062.797	555.542.974.788
- Doanh thu hoạt động vận tải biển	293.857.981.917	529.910.669.584
- Doanh thu cung cấp dịch vụ logistics, bốc xếp hàng hóa	20.805.660.938	23.194.543.112
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và cho thuê bất động sản	2.121.419.942	2.437.762.092
Cộng	316.785.062.797	555.542.974.788

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 32.1**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Giá vốn hoạt động vận tải biển	281.701.676.762	365.804.386.303
- Giá vốn cung cấp dịch vụ logistics, bốc xếp hàng hóa	18.964.739.096	21.326.298.622
- Giá vốn cung cấp dịch vụ và cho thuê bất động sản	765.927.669	1.297.693.590
Cộng	301.432.343.527	388.428.378.515

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
- Lãi tiền gửi	5.699.008.670	616.692.713
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.800
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.623.282.079	2.252.109.726
Cộng	10.322.290.749	2.868.813.239

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai,
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.678.892.562	6.343.968.389
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.189.258.893	441.690.751
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	80.440.457	161.338.242
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(47.160.400)	(20.211.600)
- Chi phí tài chính khác	19.458	61.327
Cộng	5.901.450.970	6.926.847.109

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	11.719.484.578	19.398.891.609
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	421.823.987	589.168.249
- Chi phí nhân công	8.685.515.220	15.922.979.450
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	412.522.755	383.430.965
- Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	7.000.000
- Hoàn nhập dự phòng	(309.413.278)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	951.314.737	979.736.391
- Chi phí bằng tiền khác	1.550.721.157	1.516.576.554
b) Các khoản chi phí bán hàng	5.877.404.020	11.618.900.320
- Hoa hồng phí cho các tàu	5.877.404.020	11.618.900.320
Cộng	17.596.888.598	31.017.791.929

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	326.478.928	37.813.023.235
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	78.761.117	81.598.957
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	405.240.045	37.894.622.192

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai,
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***30. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	1.355.498.069	155.596.642.920
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.355.498.069	155.596.642.920
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	68	7.780

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	109.158.182.155	173.320.298.712
- Chi phí nhân công	43.662.197.708	75.151.401.565
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.383.367.762	44.099.886.817
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.245.990.910	123.709.644.458
- Chi phí bằng tiền khác	5.212.897.057	3.164.938.892
Cộng	311.662.635.592	419.446.170.444

32. THÔNG TIN KHÁC**32.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong 6 tháng đầu năm 2023, Công ty có phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

STT	Công ty	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	Cùng tập đoàn
3	Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng tập đoàn
4	Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai,
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023
đến ngày 30/06/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***32. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****32.1 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch phát sinh trong kỳ:**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Doanh thu	1.055.394.528	1.220.039.272
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	378.448.000	339.352.000
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	676.946.528	880.687.272

Số dư bên liên quan:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	804.217.436	1.722.620.004
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	611.948.436	1.515.952.284
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	192.269.000	206.667.720
Phải trả khác	6.600.000.000	6.600.000.000
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	6.600.000.000	6.600.000.000

Thu nhập của quản lý chủ chốt:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập/Thù lao	
			Cho giai đoạn	Cho giai đoạn
			từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1	Ông Trần Văn Nghi	Chủ tịch HĐQT	599.200.037	491.050.960
2	Ông Vương Ngọc Sơn	Phó chủ tịch HĐQT	24.000.000	116.370.381
3	Ông Dương Ngọc Tú	Thành viên HĐQT kiểm Tổng giám đốc	581.093.732	448.680.632
4	Ông Trần Dũng Chiến	Thành viên HĐQT	24.000.000	344.566.503
5	Ông Đào Trọng Sử	Thành viên HĐQT	24.000.000	4.000.000
6	Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng giám đốc	407.058.505	312.231.351
7	Ông Lê Văn Thái	Phó Tổng giám đốc	422.325.394	283.598.432
8	Bà Lê Thị Liên Hương	Trưởng ban kiểm soát	24.000.000	19.000.000
9	Bà Nguyễn Hà Thanh	Thành viên ban kiểm soát	18.000.000	4.000.000
10	Bà Phan Nha Trang	Thành viên ban kiểm soát	18.000.000	13.000.000
11	Bà Trần Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng	383.379.899	301.094.735
Cộng			2.525.057.567	2.337.592.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Hải Phòng, ngày 14 tháng 08 năm 2023

Tổng Giám đốc



Dương Ngọc Tú